

Số: 55/2016/TT-BTC

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2016

THÔNG TƯ

Quy định một số nội dung về quản lý tài chính đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư và chi phí lựa chọn nhà đầu tư

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 09 tháng 12 năm 2013;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11;

Căn cứ Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư;

Căn cứ Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chi phí dự án;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đầu tư;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định một số nội dung về quản lý tài chính đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư và chi phí lựa chọn nhà đầu tư.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định một số nội dung:

a) Quản lý tài chính đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (sau đây viết tắt là PPP), bao gồm:

- Quản lý, sử dụng chi phí chuẩn bị đầu tư và chi phí thực hiện dự án của các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) cấp tỉnh theo quy định tại Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư (sau đây viết tắt là Nghị định số 15/2015/NĐ-CP);

- Phương án tài chính của dự án PPP;

- Thanh toán vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện các dự án PPP;

- Quyết toán dự án PPP hoàn thành;

b) Chi phí trong lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư (sau đây viết tắt là Nghị định số 30/2015/NĐ-CP).

2. Thông tư này không quy định:

a) Quản lý tài chính đối với nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài và các nguồn vốn khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ để hỗ trợ chuẩn bị đầu tư quy định tại Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP.

b) Cơ chế thanh toán bằng quỹ đất cho nhà đầu tư các dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT) được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 23/2015/QĐ-TTg ngày 26 tháng 6 năm 2015.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án, các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc chuẩn bị đầu tư, thực hiện dự án, quyết toán dự án PPP hoàn thành, khai thác, vận hành dự án PPP.

2. Tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động lựa chọn nhà đầu tư quy định tại Điều 7 Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.

Điều 3. Cơ quan thanh toán vốn đầu tư và mở tài khoản

1. Cơ quan Kho bạc nhà nước được giao nhiệm vụ kiểm soát thanh toán vốn chuẩn bị đầu tư và vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án PPP của Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh.

2. Cơ quan được giao quản lý vốn chuẩn bị đầu tư và vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án PPP của Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh được mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước nơi thuận tiện cho giao dịch.

3. Kho bạc nhà nước có trách nhiệm hướng dẫn thủ tục mở tài khoản theo quy định hiện hành.

Điều 4. Chủ đầu tư

Chủ đầu tư dự án PPP là doanh nghiệp dự án do nhà đầu tư thành lập theo quy định của pháp luật hoặc là nhà đầu tư trong trường hợp không thành lập doanh nghiệp dự án.

Chương II

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG CHI PHÍ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ, GIÁM SÁT THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG DỰ ÁN PPP, CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH CỦA BỘ, NGÀNH, UBND CẤP TỈNH

Điều 5. Nguồn kinh phí và nội dung chi

1. Nguồn ngân sách nhà nước cân đối trong kế hoạch chi thường xuyên hàng năm của các Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh bố trí cho các nội dung chi phí chuẩn bị đầu tư quy định tại Điểm d, đ, e, g, h Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP.

2. Nguồn ngân sách nhà nước cân đối trong kế hoạch chi đầu tư phát triển hàng năm của các Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh; nguồn thu từ việc bán hồ sơ mời thầu lựa chọn nhà đầu tư; nguồn vốn do nhà đầu tư được lựa chọn thực hiện dự án hoàn trả và các nguồn vốn hợp pháp khác bố trí cho các nội dung quy định tại Điểm a, b, c Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP.

Riêng các công trình giao thông đầu tư theo hình thức PPP được phép bổ sung nguồn trích từ chi phí quản lý dự án của các Ban Quản lý dự án theo quy định tại Quyết định số 1486/QĐ-BXD ngày 12/12/2014 của Bộ Xây dựng về công bố định mức chi phí Ban quản lý dự án của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện dự án PPP để bố trí cho các nội dung quy định tại Điểm a, b, c Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP.

3. Nguồn vốn hợp pháp khác (nếu có).

4. Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh thành lập hoặc giao đơn vị quản lý thực hiện các hoạt động thuộc trách nhiệm của mình theo quy định của hợp đồng dự án; đồng thời chịu trách nhiệm bố trí nguồn kinh phí để đơn vị quản lý dự án thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Điều 6. Lập, phê duyệt và giao dự toán

1. Căn cứ lập dự toán

a) Danh mục dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc đề xuất dự án của nhà đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt bổ sung vào danh mục dự án PPP theo quy định tại Nghị định số 15/2015/NĐ-CP;

b) Kế hoạch triển khai các dự án PPP được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

d) Chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức theo quy định hiện hành pháp luật tương ứng.

2. Nguyên tắc lập dự toán

a) Các nội dung chi quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư này thực hiện theo quy định hiện hành về lập dự toán chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước.

b) Các nội dung chi quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 5 Thông tư này thực hiện theo quy định hiện hành về lập dự toán chi đầu tư phát triển.

3. Lập và chấp hành dự toán

a) Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, giám sát thực hiện hợp đồng dự án, chất lượng công trình căn cứ quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này, lập dự toán chi theo từng nội dung chi và nguồn kinh phí quy định tại Điều 5 Thông tư này và tổng hợp chung vào dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan, đơn vị mình theo từng loại nguồn vốn, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành;

b) Sau khi dự toán ngân sách hàng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt; các Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh phân bổ dự toán cho các đơn vị được giao thực hiện theo quy định;

c) Trường hợp phát sinh dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong năm, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập bổ sung dự toán, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành;

d) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm quản lý, sử dụng đúng mục đích, đúng quy định dự toán được phân bổ.

Điều 7. Quyết toán và xử lý các nguồn thu

1. Hàng năm, Cơ quan nhà nước được giao quản lý phần chi phí chuẩn bị đầu tư, chi phí giám sát thực hiện hợp đồng dự án, chất lượng công trình lập báo cáo quyết toán theo từng loại nguồn vốn, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Giá trị quyết toán chi phí từ nguồn vốn đầu tư phát triển được tổng hợp vào giá trị quyết toán dự án PPP hoàn thành.

2. Toàn bộ các khoản thu từ chi phí chuẩn bị dự án do nhà đầu tư được lựa chọn hoàn trả, khoản thu từ bán hồ sơ mời thầu còn dư (sau khi đã chi cho công tác tổ chức đấu thầu theo quy định) được nộp vào ngân sách nhà nước.

Điều 8. Chế độ kiểm tra, báo cáo

1. Hàng năm, định kỳ hoặc đột xuất, các Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh, cơ quan tài chính các cấp tổ chức kiểm tra việc quản lý, sử dụng kinh phí chuẩn bị đầu tư của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cùng cấp hoặc Cơ quan được giao quản lý phần chi phí chuẩn bị đầu tư, chi phí giám sát thực hiện hợp đồng dự án, chất lượng công trình.

2. Định kỳ 6 tháng và cả năm, đơn vị sử dụng nguồn kinh phí chuẩn bị đầu tư và kinh phí thực hiện dự án của Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh có trách nhiệm báo cáo cơ quan tài chính thuộc Bộ, ngành, địa phương cùng cấp về tình hình sử dụng nguồn kinh phí.

Chương III

QUẢN LÝ CHI PHÍ LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 9. Chi phí trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư

Chi phí trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư bao gồm:

1. Chi phí lập hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu.
2. Chi phí thẩm định hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu.
3. Chi phí đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất.
4. Chi phí thẩm định kết quả sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà đầu tư.

Điều 10. Định mức chi phí lựa chọn nhà đầu tư

Định mức chi phí lựa chọn nhà đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.

Điều 11. Quản lý, sử dụng chi phí lựa chọn nhà đầu tư

Việc quản lý, sử dụng chi phí lựa chọn nhà đầu tư thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý, sử dụng chi phí trong quá trình lựa chọn nhà thầu các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ (hiện nay là Thông tư số 190/2015/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2015).

Chương IV

PHƯƠNG ÁN TÀI CHÍNH CỦA DỰ ÁN PPP

Điều 12. Nguyên tắc xây dựng phương án tài chính

1. Toàn bộ chi phí và nguồn thu hợp pháp theo quy định trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư, thực hiện dự án và vận hành của dự án phải được phản ánh đầy đủ trong phương án tài chính của dự án bằng Đồng Việt Nam.